

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011



I. GIỚI THIỆU

Công ty Chứng khoán Kim Eng Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 71/UBCK-GP ngày 14/12/2007 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước Việt Nam và chính thức đi vào hoạt động tháng 4/2008.

Với việc góp 49% vốn của Tập đoàn Kim Eng, Kim Eng Việt Nam đã trở thành công ty chứng khoán đầu tiên có đối tác chiến lược là tổ chức nước ngoài được nhận giấy phép kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam. Mang theo gần bốn thập kỷ kinh nghiệm môi giới chứng khoán, công nghệ hiện đại và những dịch vụ tư vấn chuyên biệt của tập đoàn Kim Eng Singapore đến Việt Nam, Kim Eng Việt Nam cung cấp toàn bộ các dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp bao gồm Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư; Nghiên cứu & phân tích; Bảo lãnh phát hành; Tài chính doanh nghiệp.

2011 là một năm nhiều thách thức đối với các công ty chứng khoán. Thị trường ảm đạm với hầu hết các phiên giao dịch trong sắc đỏ, đa phần các công ty chứng khoán (CTCK) đều lỗ lũy kế. Trong bối cảnh thị trường ảm đạm, công ty chứng khoán (CTCK) đang hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam (TTCK), đã lỗ lũy kế thì việc Kim Eng Việt Nam (Kim Eng) lấy lại vị trí thứ 6 trong top 10 về thị phần môi giới ở HOSE lẫn HNX, vừa tư vấn thành công thương vụ tập đoàn Tama Home của Nhật Bản mua 20% cổ phần và trở thành cổ đông chiến lược của Cotecland thuộc tập đoàn Cotec (Cotecgroup) trở thành biểu tượng sinh động cho sự thành công của chiến lược phát triển mang tính bền vững.

Tăng trưởng mạnh mẽ trong khó khăn

Kết quả kiểm toán hoạt động của Kim Eng vẫn cho thấy sự tăng trưởng đáng mừng về doanh thu cũng như các chỉ số về nền tảng khách hàng, nguồn nhân lực và sự hiện diện không ngừng gia tăng của Kim Eng tới các trung tâm tài chính trên cả nước. Tính đến thời điểm hiện nay số tài khoản giao dịch ở Kim Eng đã lên đến hơn 21.000 khách hàng thường xuyên giao dịch và thị phần luôn giữ ở mức ổn định trên 5%, đứng thứ 6 trong bảng xếp hạng về thị phần môi giới chung cho cả 2 sàn HSX và HNX. Kim Eng là một trong ít công ty chứng khoán liên tục có lãi kể từ khi bắt đầu hoạt động. Trong bối cảnh rất nhiều công ty bị thua lỗ, đã và đang phải tính đến việc ngưng dịch vụ môi giới thì con số lời gần 8 tỷ trong năm 2011 là một con số rất đáng khích lệ. Trong năm 2011 công ty tuyển dụng thêm hơn 100 nhân sự mới đưa tổng nhân viên lên tới hơn 350 người trên toàn quốc và con số này sẽ tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới với sự mở rộng hoạt động của các chi nhánh mới.

Thành công của Kim Eng chính là nhờ sự nỗ lực không ngừng nghỉ của cả tập thể công ty theo đuổi mô hình kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp, cam kết cung cấp dịch vụ tài chính chất lượng cao cho nhà đầu tư, chỉ tập trung vào môi giới khách hàng. Kiên quyết tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư, không phát triển tự doanh. Chuẩn bị và đầu tư kỹ lưỡng để có được một cơ sở hạ tầng, đặc biệt là công nghệ hiện đại bậc nhất; Liên tục mở rộng và phát triển mạng lưới, khách hàng. Việc Kim Eng đồng loạt khai trương 3 chi nhánh tại Đà Nẵng, Vũng Tàu, Cần Thơ trong tháng 8/2011 và chi nhánh An Giang vào tháng 12/2011 chính là thông điệp của sự cam kết chắc chắn và lâu dài mà Ban điều hành của Kim Eng muốn gửi đến các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trên cả nước. Kim Eng luôn nỗ lực đóng góp cho sự phát triển bền vững của TTCK Việt Nam bằng các hoạt động hội thảo chuyên đề cho doanh nghiệp, các hoạt động tư vấn, đào tạo cho cộng đồng nhằm tạo dựng thế hệ nhà đầu tư mới – nền tảng thiết yếu cho sự phát triển bền vững của TTCK Việt Nam trong tương lai. Đây cũng chính là sự khác biệt rất lớn giữa Kim Eng và các CTCK khác.

Với nền tảng công nghệ tiên tiến, đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, luôn cam kết cao nhất trong việc tư vấn, cung cấp thông tin kịp thời, chuẩn xác, Kim Eng đã nhận được rất nhiều lời đề nghị hỗ trợ phục vụ khách hàng trong bối cảnh nhiều công ty chứng khoán phải ngưng dịch vụ môi giới do khó khăn, không đáp ứng được nhu cầu tư vấn và hỗ trợ vốn cho khách. Cụ thể, ngày 14/12/2011, Kim Eng đã thỏa thuận với CTCK Đông Dương (DDS) và nhận chuyển giao toàn

bộ khách hàng của DDS. Tất cả khách hàng của DDS chuyển tài khoản sang Kim Eng đều được công ty hỗ trợ làm thủ tục nhanh chóng, thuận tiện và được phục vụ đúng theo chính sách khách hàng chung của công ty trên toàn quốc.

Điểm tựa tin cậy của doanh nghiệp và nhà đầu tư

Kim Eng được đánh giá cao với hàng loạt các hoạt động hướng tới khách hàng. Kim Eng là một trong số rất ít những CTCK hiện nay còn tiếp tục duy trì các hoạt động hỗ trợ thông tin và củng cố niềm tin cho nhà đầu tư. Mở đầu là chuỗi hội thảo nhận định về kinh tế vĩ mô và TTCK, kế tiếp là hội thảo “Quản trị công ty – cách tạo dựng giá trị” với sự tham gia của lãnh đạo cấp cao đến từ hàng trăm doanh nghiệp đã và chuẩn bị niêm yết tại HOSE và HNX; Chuỗi hội thảo tập huấn cho NĐT hiệu và có chiến lược đầu tư phù hợp với Thông tư 74-BTC. Kim Eng đã trích một khoản ngân sách không hề nhỏ cho các hoạt động này. Bên cạnh các hoạt động hội thảo, công ty vẫn định kỳ tổ chức chương trình nhận định thị trường hàng tuần. Bên cạnh việc được nghe nhận định những vấn đề nổi bật của thị trường tuần qua và xu hướng của thị trường trong tuần tới thì nhà đầu tư có cơ hội yêu cầu chuyên gia phân tích về bất kỳ loại cổ phiếu nào mà họ đang quan tâm. Kim Eng đã, đang và sẽ luôn là người đồng hành tin cậy với nỗ lực không ngừng để giúp nhà đầu tư có được thông tin và sự tư vấn hiệu quả nhất cho các quyết định kinh doanh, của mình.

Dịch vụ đa dạng và tiện ích tối đa cho tất cả khách hàng

Ngay trong giai đoạn khó khăn, Kim Eng vẫn dành những khoản đầu tư rất lớn vào hệ thống công nghệ thông tin, làm nền tảng để phát triển những sản phẩm tiện ích mới, mang lại những dịch vụ đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư.

Website phiên bản mới www.kimeng.com.vn lần đầu tiên mang đến cho nhà đầu tư Việt Nam dịch vụ Video online với những trải nghiệm hoàn toàn khác biệt. Nhà đầu tư lần đầu tiên được tư vấn thông qua bản tin Video online được thực hiện bởi các chuyên gia am hiểu thị trường của Kim Eng. Các bình luận chi tiết về các vấn đề nổi bật của thị trường mỗi sáng được chuyển tải bằng hình ảnh trung thực, rõ nét đem đến cho nhà đầu tư những thông tin hữu ích trong ngày giao dịch mới cùng với niềm hứng khởi và thích thú cao độ. KEVS đã quyết định đầu tư với tổng kinh phí gần 300.000 USD để nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đáp ứng cho việc kéo dài giao dịch đồng thời nâng cao năng lực và tốc độ xử lý của hệ thống.

Chuyên nghiệp và quốc tế hóa đội ngũ nhân sự

Kim Eng là một trong số rất hiếm các công ty chứng khoán liên tục mở rộng và tuyển dụng trong suốt năm 2011. Tuyển dụng nhân lực, đào tạo và tái đào tạo, vì vậy, là một trong những hoạt động được ưu tiên hàng đầu tại Kim Eng nhằm xây dựng đội ngũ chuyên viên mỗi giới có được năng lực và tầm nhìn quốc tế để tư vấn tốt nhất cho các nhà đầu tư đến với Kim Eng. Công ty thường xuyên tổ chức các hội thảo, khóa đào tạo và gọi các chuyên gia nhiều năm kinh nghiệm ở nhiều nước của tập đoàn Kim Eng đến Việt Nam để trao đổi và đào tạo cho các khách hàng và nhân viên của mình. Song song, công ty cũng có chương trình tài trợ học bổng cho nhân viên tham gia các chương trình học các chứng chỉ chuyên môn như ACCA, CFA, CMT cũng như các khóa đào tạo chuyên sâu tại nước ngoài. Hơn 90% nhân sự tại Kim Eng có trình độ đại học và trên đại học.

Năm 2011 Kim Eng đã tăng cường bộ máy quản lý với việc bổ nhiệm thêm 1 Phó Tổng Giám Đốc người Việt Nam và một Giám Đốc Nghiên Cứu Phân Tích người Mỹ có nhiều năm kinh nghiệm ở các TTCK ở Châu Á - Ông Michael Kokalari. Trước khi tới Việt Nam, ông Kokalari đã có hơn 15 năm kinh nghiệm quản lý các danh mục đầu tư trị giá nhiều tỷ đôla liên quan đến tín dụng, chứng khoán, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh cho các định chế tài chính lớn như Credit Suisse First Boston, Paribas, JP Morgan Chase, Lehman Brother và West LB ở Luân Đôn và Tokyo.

Tính chuyên nghiệp và chất lượng dịch vụ đã đưa Kim Eng Việt Nam được vào danh sách những thương hiệu được yêu thích nhất năm 2009, 2010 do người tiêu dùng bình chọn với sự tổ chức của Thời Báo Kinh Tế Việt Nam và 2 năm liên tiếp đoạt giải thưởng “Thương hiệu

chứng khoán uy tín" do Hiệp Hội Kinh Doanh Chứng Khoán cùng một số tổ chức tài chính thực hiện. Năm 2011 Kim Eng vinh dự là công ty chứng khoán duy nhất được nhận giải thưởng Rồng Vàng của Thời báo Kinh Tế Việt Nam.

II. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 2012 VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH YẾU

1. Mục tiêu chiến lược cho năm 2012:

- i. Tiếp tục phát triển lĩnh vực môi giới chứng khoán để gia tăng thị phần môi giới. Khai thác hiệu quả mạng lưới chi nhánh và các kênh giao dịch trực tuyến.
 - ii. Đẩy mạnh phát triển số lượng khách hàng bao gồm cả khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức.
 - iii. Hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro nhằm đảm bảo không phát sinh nợ xấu trong năm tài chính 2012.
- Hoàn tất các thủ tục cần thiết để nâng vốn điều lệ lên 600 tỷ đồng trong tháng 5/2012.

2. Các giải pháp chính để thực hiện kế hoạch năm 2012

Để thực hiện Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2012, Công ty sẽ thực hiện những giải pháp sau:

- i. Tăng cường nguồn lực tài chính của Công ty bằng cách tăng vốn điều lệ lên 600 tỉ đồng và đàm phán với các ngân hàng để vay vốn trong trường hợp cần thiết. Việc tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo các tỷ lệ mở cho các hoạt động ký quỹ (margin) của công ty theo các quy định của UBCKNN.
- ii. Hoàn thiện bộ máy tổ chức để nâng cao năng lực kinh doanh và kiểm soát rủi ro.
- iii. Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo các kỹ năng cho nhân viên như : phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật, kỹ năng tư vấn, thao tác hệ thống.
- iv. Đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng cho việc kéo dài giao dịch của các Sở giao dịch đồng thời nâng cao năng lực và tốc độ xử lý của hệ thống. Tổng kinh phí dự toán là gần 300.000 USD.
- v. Nâng cấp hệ thống tích hợp giao dịch trực tuyến, nâng cao hơn nữa tỷ lệ khách hàng sử dụng dịch vụ giao dịch trực tuyến nhằm giảm chi phí. Hướng đến đạt tỷ lệ 80% số lượng giao dịch của khách hàng qua kênh E-Commerce vào cuối năm 2013.
- vi. Khảo sát và lập dự án trình HDQT mở thêm 02 chi nhánh và 1 PGD.

Thị trường chứng khoán có thể vẫn phải tiếp tục đối mặt với khó khăn trong thời gian tới nhưng Kim Eng sẽ luôn kiên định với kế hoạch phát triển của mình. Những gì Kim Eng đang làm thể hiện cam kết mạnh mẽ của công ty là làm tốt nhất để trở thành lựa chọn hàng đầu cho nhà đầu tư Việt Nam. Việc chuyển giao sở hữu từ Kim Eng Holdings Limited (Singapore) sang Maybank (Malaysia) vào đầu năm 2011 sẽ giúp Kim Eng Việt Nam có những bứt phá mới nhờ sự hỗ trợ mạnh mẽ về tài chính cũng như nền tảng khách hàng rộng lớn của Maybank trong khu vực và tại Việt Nam.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lâm Hoàng Lộc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/07/2007
Ông Lê Minh Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/07/2007
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/07/2007
Ông Ong Cheow Kheng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/07/2007
Ông Ronald Ooi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/10/2010

IV BAN KIỂM SOÁT

Ông Phạm Thành Tiến
Ông Tan Pei-San
Bà Eunice Ho

Tất cả các thành viên của Ban kiểm soát đều không là các Giám đốc điều hành của Công ty

Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ theo Điều 21, Quyết định 12/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính:

- Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình.
- Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của thành viên Ban giám đốc, cán bộ quản lý công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.
- Ban kiểm soát khuyến nghị Hội đồng Quản trị tiếp tục chọn PriceWaterHouseCoopers (Việt nam) là kiểm toán độc lập của King Eng Việt nam năm 2010

Kiểm toán viên độc lập

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

V. BAN GIÁM ĐỐC

Ông Lê Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/07/2007
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/09/2010
Ông Dương Cẩm Đà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2011

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 28. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 8 tháng 2 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam (“Công ty”) được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 8 tháng 2 năm 2012. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Richard Peters
Số chứng chỉ KTV: N.0561/KTV
Phó Tổng Giám đốc
(Đã ký)

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV
(Đã ký)

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3000
Ngày 8 tháng 2 năm 2012

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2011 VNĐ	2010 VNĐ
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN		512.886.641.351	485.167.463.123
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	93.146.157.437	17.927.814.920
1	Tiền		30.662.157.437	17.927.814.920
2	Các khoản tương đương tiền		62.484.000.000	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5(a)	118.163.000	6.605.500
1	Đầu tư ngắn hạn		118.163.000	6.605.500
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		415.212.573.734	464.254.996.739
2	Trả trước cho người bán		1.445.322.050	544.560.997
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	422.732.086.971	469.374.781.408
5	Các khoản phải thu khác	8	-	1.868.957.084
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(8.964.835.287)	(7.533.302.750)
V	Tài sản ngắn hạn khác		4.409.747.180	2.978.045.964
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.564.622.583	636.560.144
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	9	448.550.092	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	10	2.396.574.505	2.341.485.820
B	TÀI SẢN DÀI HẠN		28.592.402.199	30.443.461.670
II	Tài sản cố định		17.255.524.786	20.718.090.118
1	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	12.440.978.268	13.689.666.069
	Nguyên giá		36.134.317.358	30.841.960.550
	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.693.339.090)	(17.152.294.481)
3	Tài sản cố định vô hình	11(b)	4.814.546.518	7.028.424.049
	Nguyên giá		14.282.056.497	13.303.624.507
	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.467.509.979)	(6.275.200.458)
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	2.186.136.000	4.363.050.000
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn - chứng khoán sẵn sàng để bán		2.186.136.000	4.363.050.000
V	Tài sản dài hạn khác		9.150.741.413	5.362.321.552
1	Chi phí trả trước dài hạn	12	2.065.032.197	1.158.467.402
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18	2.259.194.188	1.877.339.122
3	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	4.826.515.028	2.326.515.028
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		541.479.043.550	515.610.924.793

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2011 VNĐ	2010 VNĐ
A	NỢ PHẢI TRẢ		217.150.185.134	194.802.126.389
I	Nợ ngắn hạn		216.514.908.201	194.311.275.452
1	Vay ngắn hạn	14	158.865.447.363	138.291.764.137
2	Phải trả người bán		143.200.255	448.121.193
3	Người mua trả tiền trước		645.032.000	850.732.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.342.280.897	4.317.469.423
5	Phải trả nhân viên		3.363.297	44.533.432
6	Chi phí phải trả	16	7.618.138.043	8.005.070.420
7	Phải trả nội bộ	26(b)	189.773.502	10.395.432
8	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	47.044.217.513	41.535.105.444
9	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		12.164.497	502.968.610
11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		651.290.834	305.115.361
II	Nợ dài hạn		635.276.933	490.850.937
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		635.276.933	490.850.937
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU		324.328.858.416	320.808.798.404
I	Vốn chủ sở hữu	20	324.328.858.416	320.808.798.404
1	Vốn góp của chủ sở hữu	19	300.000.000.000	300.000.000.000
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	2.6(b)	(2.099.235.000)	(588.937.500)
8	Quỹ dự phòng tài chính		2.671.404.671	2.419.886.795
9	Quỹ dự trữ bổ sung vốn		2.671.404.671	2.419.886.795
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.085.284.074	16.557.962.314
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			541.479.043.550	515.610.924.793

Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng


Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2011 VNĐ	2010 VNĐ
1	Doanh thu	114.047.978.993	113.257.794.447
	<i>Trong đó:</i>		
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	32.175.844.655	45.578.276.055
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	13.077.267	177.517.950
	Doanh thu hoạt động tư vấn	809.781.817	6.864.365.787
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	189.760.703	171.318.776
	Doanh thu sử dụng vốn	584.329.330	517.085.590
	Doanh thu khác	21 80.275.185.221	59.949.230.289
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	114.047.978.993	113.257.794.447
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	22 (67.753.089.552)	(50.713.291.786)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	46.294.889.441	62.544.502.661
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23 (39.478.406.252)	(40.040.185.288)
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.816.483.189	22.504.317.373
8	Thu nhập khác	24 133.174.738	1.090.862.772
9	Chi phí khác	24 (120.370.396)	(7.727.300)
10	Thu nhập khác – Số thuần	12.804.342	1.083.135.472
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.829.287.531	23.587.452.845
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	25 (1.532.168.585)	(6.397.193.087)
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25 (266.761.434)	694.754.666
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.030.357.512	17.885.014.424

Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Mẫu số B 03 – CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2011 VNĐ	2010 VNĐ
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	6.829.287.531	23.587.452.845
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	9.742.370.049	9.162.597.208
03	Các khoản dự phòng	1.431.532.537	5.613.415.501
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư	36.775.681	7.727.300
06	Chi phí lãi vay	7.440.520.983	2.730.623.531
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	25.480.486.781	41.101.816.385
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	45.055.801.783	(208.372.656.785)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	2.603.136.714	(167.562.580.104)
12	Tăng các chi phí trả trước	(1.834.627.234)	(650.911.070)
13	Tiền lãi vay đã trả	(6.981.360.794)	(2.730.623.531)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.272.046.175)	(12.575.384.251)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	61.051.391.075	(350.790.339.356)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(6.323.176.898)	(6.541.780.059)
23	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(77.100.000.000)	(145.000.000.000)
24	Thu tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	77.100.000.000	275.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(829.506.563)	(27.414.093.486)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	742.222.147	22.780.647.986
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(6.410.461.314)	118.824.774.441
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	100.000.000.000
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được	276.014.654.640	202.564.579.362
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(255.437.241.884)	(66.644.578.451)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(17.000.000.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	20.577.412.756	218.920.000.911
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	75.218.342.517	(13.045.564.004)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	17.927.814.920
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	93.146.157.437

Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 327 nhân viên (2010: 223 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo quy ước giá gốc, có điều chỉnh để ghi nhận các khoản đầu tư theo giá trị hợp lý.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn là chứng khoán ban đầu được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn hoặc nếu Ban Giám đốc quyết định như vậy.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn ban đầu được ghi nhận theo giá mua thực tế. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Lãi/(lỗ) từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Cổ tức được hưởng từ các khoản đầu tư chứng khoán vốn trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Tiền lãi hưởng được từ các đầu tư chứng khoán nợ được ghi nhận giảm trừ vào giá vốn cho phần lãi được hưởng cho giai đoạn trước ngày đầu tư chứng khoán và ghi nhận vào thu nhập đầu tư cho phần lãi được hưởng kể từ ngày đầu tư.

(b) Đầu tư dài hạn

Đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu và sẽ được chuyển sang báo cáo kết quả kinh doanh khi bán các khoản đầu tư này.

Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá mua. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng lãi suất hữu hiệu.

Cổ tức được hưởng từ các khoản đầu tư chứng khoán vốn trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Tiền lãi hưởng được từ các đầu tư chứng khoán nợ được ghi nhận giảm trừ vào giá vốn cho phần lãi được hưởng cho giai đoạn trước ngày đầu tư chứng khoán và ghi nhận vào thu nhập đầu tư cho phần lãi được hưởng kể từ ngày đầu tư.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng thuê	3 - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm vi tính	5 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 Chi phí đi vay

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư tài chính dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Doanh thu về vốn kinh doanh và doanh thu khác

Doanh thu về vốn kinh doanh và doanh thu khác bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các giao dịch ký quỹ, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2.10 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

2.11 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.12 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ - pháp lý hoặc liên đới - hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.13 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

2.14 Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận và các quỹ*Phân chia lợi nhuận*

Phần cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông phê chuẩn. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được đại hội cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo các quy định pháp lý Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hàng năm với mức 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn góp điều lệ theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành áp dụng cho các công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập nhằm bảo toàn hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thua lỗ trong kinh doanh hoặc dự phòng cho lỗ hoặc tổn thất do các nguyên nhân khách quan.

Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ

Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ được trích lập hàng năm với mức 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn góp điều lệ theo quyết định 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành áp dụng cho các công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ đã góp.

3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được thực hiện bởi bộ phận Ngân quỹ thuộc phòng Tài chính và Quản trị Rủi ro.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

3.1 Rủi ro thị trường

(i) *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng đô la Mỹ (“USD”) vì các khoản vay lớn với bên liên quan đều bằng USD. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách gửi các khoản vay với bên liên quan vào một ngân hàng trong nước sau đó ký một hợp đồng vay khác bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD là như sau:

	2011 1.000 đồng	2010 1.000 đồng
Tài sản tài chính	62.484.000.000	-
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	62.484.000.000	-
Nợ tài chính	62.484.000.000	-
Các khoản vay	62.484.000.000	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	-	-

(ii) *Rủi ro về giá*

Công ty phải chịu rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư được phân loại là tự doanh và sẵn sàng để bán. Chiến lược của Công ty không tập trung vào kinh doanh chứng khoán. Các khoản đầu tư ngắn hạn trị giá 118.163.000 đồng Việt Nam là để hiệu chỉnh các lệnh chứng khoán sai được các nhà môi giới thực hiện. Các khoản đầu tư dài hạn được đo lường theo giá trị hợp lý và không có các khoản đầu tư dài hạn nào thêm trong năm. Tuy nhiên, hạn mức rủi ro là thấp xét giá trị đầu tư dài hạn là không trọng yếu.

3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)***(iii) Rủi ro lãi suất*

Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay của Công ty. Rủi ro lãi suất từ các khoản vay từ bên liên quan là thấp xét các khoản vay sau đó đã được gửi vào một ngân hàng trong nước với lãi suất không thấp hơn nhiều so với lãi suất đi vay. Biến động lãi suất đi vay từ các ngân hàng và khách hàng cá nhân ảnh hưởng đến lãi suất của các hoạt động tài chính của Công ty. Do đó, ảnh hưởng thuần của biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế được đánh giá là không trọng yếu.

3.2 Rủi ro tín dụng

Công ty phải chịu rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu từ các giao dịch chứng khoán. Công ty áp dụng chính sách giải quyết rủi ro tín dụng theo Quyết định 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011.

Hồ sơ thanh toán của khách hàng và hạn mức rủi ro tín dụng được theo dõi liên tục bởi bộ phận Quản lý rủi ro và được báo cáo cho Ban Giám đốc.

(a) Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Các khoản tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị sút giảm giá trị chủ yếu là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao tại thị trường trong nước.

Các tài sản ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm tiền đặt cọc thuê văn phòng với các bên cho thuê có tín nhiệm cao không quá hạn cũng như không bị sút giảm giá trị.

(b) Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc giảm giá

Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá ngoại trừ các khoản phải thu.

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Quá hạn từ 1 đến 30 ngày (*)	10.194.078.202	3.230.229.844
Quá hạn từ 31 đến 60 ngày	-	-
Quá hạn từ 61 đến 90 ngày	-	-
Quá hạn trên 90 ngày (**)	10.605.815.587	13.479.801.001
	20.799.893.789	16.710.030.845
	20.799.893.789	16.710.030.845

(*) Các khoản quá hạn từ 1 đến 30 ngày đã được nhận đầy đủ vào tháng 1 năm 2012.

(**) Các khoản quá hạn trên 90 ngày đã được trích lập dự phòng với số tiền là 8.964.835.287 VND (2010: 7.533.302.750 đồng). Số tiền còn lại 1.640.980.300 đồng (2010: 5.946.498.251 đồng) được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – CTCK

3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3.3 Rủi ro thanh khoản**

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phái- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 3 tháng VNĐ	Từ 3 đến 6 tháng VNĐ	Từ 6 đến 12 tháng VNĐ	Từ 12 đến 24 tháng VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản vay	160.557.780.411	-	-	-
Phải trả cho các giao dịch chứng khoán	47.044.217.513	-	-	-
Các khoản phải trả khác	8.912.910.277	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010				
Các khoản vay	138.291.764.137	-	-	-
Phải trả cho các giao dịch chứng khoán	41.535.105.444	-	-	-
Các khoản phải trả khác	14.484.405.871	-	-	-

3.4 Đo lường theo giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Sau đó, chúng được đo lường theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng các khoản phải thu từ các giao dịch chứng khoán, các khoản tiền gửi, các tài sản ngắn hạn khác, các khoản vay, khoản phải trả cho các giao dịch chứng khoán và các khoản phải trả khác gần bằng giá trị hợp lý của chúng.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Tiền mặt	69.156.348	83.084.558
Tiền gửi ngân hàng	163.176.440	1.523.549.150
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	30.429.824.649	16.321.181.212
Các khoản tương đương tiền (*)	62.484.000.000	-
	<u>93.146.157.437</u>	<u>17.927.814.920</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng.

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

	31.12.2011				
	Nguyên giá	So với giá trị hợp lý		Giá trị hợp lý	Chênh lệch
		Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư chứng khoán vốn niêm yết	118.486.416	-	(323.416)	118.163.000	(323.416)

	31.12.2010				
	Nguyên giá	So với giá trị hợp lý		Giá trị hợp lý	Chênh lệch
		Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư chứng khoán vốn niêm yết	4.557.004	2.048.496	-	6.605.500	2.048.496

(b) Các khoản đầu tư dài hạn

	31.12.2011				
	Nguyên giá	So với giá trị hợp lý		Giá trị hợp lý	Chênh lệch
		Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư chứng khoán vốn niêm yết – sẵn sàng để bán	5.130.300.000	-	(2.944.164.000)	2.186.136.000	(2.944.164.000)

	31.12.2010				
	Nguyên giá	So với giá trị hợp lý		Giá trị hợp lý	Chênh lệch
		Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư chứng khoán vốn niêm yết – sẵn sàng để bán	5.130.300.000	-	(785.250.000)	4.345.050.000	(785.250.000)
Đầu tư trái phiếu	18.000.000	-	-	18.000.000	-
	5.148.300.000	-	(785.250.000)	4.363.050.000	(785.250.000)

1. NG PH GK ME TN PH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – CTCK

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phải thu từ các hợp đồng ký quỹ	280.628.504.436	-
Phải thu tiền mặt ứng trước cho khách hàng để bán chứng khoán trong giai đoạn T+3	36.404.219.724	70.472.058.560
Phải thu tiền mặt ứng trước cho nhà đầu tư đối với hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh	88.072.778.730	384.842.976.617
Phải thu lãi từ các hoạt động tài chính	7.432.505.879	5.678.001.236
Phải thu khác từ các giao dịch chứng khoán	10.194.078.202	8.381.744.995
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12	422.732.086.971	469.374.781.408
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

7 DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN NỢ KHÓ ĐÒI

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	7.533.302.750	1.919.887.249
Tăng	5.307.024.219	7.533.302.750
Hoàn nhập dự phòng lập các năm trước	(3.875.491.682)	-
Xóa sổ	-	(1.919.887.249)
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12	8.964.835.287	7.533.302.750
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

8 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đây là các khoản phải thu nhân viên đã được nhân viên thanh toán đủ năm 2011.

9 CÁC KHOẢN THUẾ PHẢI THU KHÁC

Đây là thuế thu nhập doanh nghiệp được hoàn do nộp thừa trong năm 2011.

10 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Các tài sản ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng và tiền mặt ứng trước cho nhân viên đi công tác.

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp văn phòng thuê VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	7.885.798.987	18.226.190.627	3.052.011.905	1.677.959.031	30.841.960.550
Mua trong năm	-	4.629.005.642	-	715.739.266	5.344.744.908
Thanh lý, nhượng bán	-	(41.348.100)	-	(11.040.000)	(52.388.100)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>7.885.798.987</u>	<u>22.813.848.169</u>	<u>3.052.011.905</u>	<u>2.382.658.297</u>	<u>36.134.317.358</u>
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	4.564.944.563	10.995.435.155	963.223.791	628.690.972	17.152.294.481
Khấu hao trong năm	1.577.159.802	4.023.446.012	508.668.654	440.786.060	6.550.060.528
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.869.250)	-	(2.146.669)	(9.015.919)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>6.142.104.365</u>	<u>15.012.011.917</u>	<u>1.471.892.445</u>	<u>1.067.330.363</u>	<u>23.693.339.090</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	<u>3.320.854.424</u>	<u>7.230.755.472</u>	<u>2.088.788.114</u>	<u>1.049.268.059</u>	<u>13.689.666.069</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>1.743.694.622</u>	<u>7.801.836.252</u>	<u>1.580.119.460</u>	<u>1.315.327.934</u>	<u>12.440.978.268</u>

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	13.303.624.507
Mua trong năm	978.431.990
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>14.282.056.497</u>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	6.275.200.458
Khấu hao trong năm	3.192.309.521
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>9.467.509.979</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	7.028.424.049

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.814.546.518**Mẫu số B 09 – CTCK****12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	1.158.467.402	354.712.772
Tăng	2.774.450.906	1.291.680.435
Phân bổ trong năm	(1.867.886.111)	(487.925.805)
Số dư cuối năm	<u>2.065.032.197</u>	<u>1.158.467.402</u>

Chi phí phải trả dài hạn chủ yếu là chi phí thành lập chi nhánh mới và được phân bổ trong vòng 2 năm.

13 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Đây là khoản tiền gửi tại Quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo quy định của luật hiện hành.

14 VAY NGẮN HẠN

	31.12.2011	31.12.2010
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (*)	83.599.147.363	130.664.764.137
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (**)	62.484.000.000	-
Vay ngắn hạn từ khách hàng cá nhân (***)	12.782.300.000	7.627.000.000
	<u>158.865.447.363</u>	<u>138.291.764.137</u>

(*) Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản giải ngân từ hai hợp đồng vay với một ngân hàng trong nước với số tiền 70 tỷ đồng và 59 tỷ đồng nhằm tài trợ cho các giao dịch chứng khoán hàng ngày. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi do ngân hàng xác định tại từng thời điểm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản phải thu từ tài khoản giao dịch chứng khoán trên Bảng cân đối kế toán. Hợp đồng vay được gia hạn hàng tháng.

(**) Các khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan là các khoản giải ngân từ hợp đồng vay với Công ty Kim Eng Holdings Singapore với số tiền là 3.000.000 đô la Mỹ nhằm bảo lãnh cho khoản vay tại một ngân hàng trong nước. Các khoản vay này chịu lãi với lãi suất tiền gửi hàng tháng của Eximbank + 0,125%. Hợp đồng vay được gia hạn hàng tháng.

(***) Các khoản vay ngắn hạn từ cá nhân là tiền mặt của các nhà đầu tư mà Công ty giữ để mua trái phiếu kho bạc thay mặt các nhà đầu tư. Nếu Công ty không thể

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

mua trái phiếu được thỏa thuận tại ngày chấm dứt hợp đồng, thì Công ty sẽ chịu lãi theo lãi suất thỏa thuận cho nhà đầu tư đối với các khoản tiền mặt ủy thác này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN CHARGES TÍNH VÀ THUỐC

STT	Mô tả	Đơn vị tính	Số tiền
1	Thuế GTGT (10%)	VND	1.104.500,00
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	VND	1.281.250,00
3	Thuế thu nhập cá nhân (10%)	VND	260.250,00
4	Thuế môn bài (100.000 VND)	VND	100.000,00
5	Chi phí phát hành	VND	1.000,00
6	Chi phí quản lý	VND	1.000,00
7	Chi phí lưu kho	VND	1.000,00
8	Chi phí vận chuyển	VND	1.000,00
9	Chi phí bảo hiểm	VND	1.000,00
10	Chi phí khác	VND	1.000,00
TỔNG CỘNG		VND	3.752.000,00

Chi tiết các khoản thuế và chi phí được tính toán dựa trên các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – CTCK

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Thuế GTGT dịch vụ nội địa	538.849.657	1.134.842.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	-	1.291.327.498
Thuế thu nhập cá nhân	339.532.406	356.569.459
Thuế khác (*)	463.898.834	1.534.729.959
	<u>1.342.280.897</u>	<u>4.317.469.423</u>

(*) Các khoản thuế khác chủ yếu là thuế thu nhập cá nhân phải nộp hộ khách hàng vào Ngân sách Nhà nước.

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lương tháng 13 và thưởng	5.474.191.931	4.700.000.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	711.362.257	1.184.065.487
Khác (*)	1.432.583.855	2.121.004.933
	<u>7.618.138.043</u>	<u>8.005.070.420</u>

(*) Các khoản phải trả khác bao gồm chi phí thuê văn phòng, bảo trì phần mềm Freewill, phí quản lý, hoa hồng đại lý, chi phí lãi vay, phí dịch vụ.

17 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty cho hoạt động đầu tư chứng khoán.

18 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Số dư đầu năm	1.877.339.122	986.271.956
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(266.761.434)	694.754.666
Ghi nhận vào quỹ	648.616.500	196.312.500
	<u>2.259.194.188</u>	<u>1.877.339.122</u>

18 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, giảm giá đầu tư dài hạn và dự phòng trợ cấp thôi việc.

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phần

Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần đăng ký	30.000.000
Số lượng cổ phần hiện đang lưu hành	<u>30.000.000</u>

(b) Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu

	Cổ phần phổ thông	%
Kim Eng Holdings Singapore	14.565.000	48,55
Cổ đông tư nhân trong nước	15.435.000	51,45
Tổng số cổ phần hiện đang lưu hành	<u>30.000.000</u>	<u>100,00</u>

HAI

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ khác VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	200.000.000.000	-	1.525.636.074	1.525.636.074	500.000.000	16.961.449.332	220.512.721.480
Tăng vốn góp của chủ sở hữu	100.000.000.000	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	17.885.014.424	17.885.014.424
Phân bổ vào các quỹ	-	-	894.250.721	394.250.721	-	(1.288.501.442)	-
Chuyển cho quỹ dự trữ bổ sung vốn	-	-	-	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Chuyển từ các quỹ khác	-	-	-	500.000.000	-	-	500.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(17.000.000.000)	(17.000.000.000)
Đánh giá lại đầu tư dài hạn	-	(588.937.500)	-	-	-	-	(588.937.500)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	300.000.000.000	(588.937.500)	2.419.886.795	2.419.886.795	-	16.557.962.314	320.808.798.404
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	5.030.357.512	5.030.357.512
Phân bổ vào các quỹ	-	-	251.517.876	251.517.876	-	(503.035.752)	-
Đánh giá lại đầu tư dài hạn	-	(1.510.297.500)	-	-	-	-	(1.510.297.500)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	300.000.000.000	(2.099.235.000)	2.671.404.671	2.671.404.671	-	21.085.284.074	324.328.858.416

21 DOANH THU - KHÁC

Đây là thu nhập từ lãi của tiền ứng trước cho nhà đầu tư và thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán.

22 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	5.797.652.376	8.088.540.928
Hoa hồng đại lý	1.185.552.885	2.154.113.650
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	77.224.534	147.971.190
Chi phí tài chính	7.440.520.983	1.842.620.782
Chi phí nhân viên	30.699.129.248	21.934.219.270
Chi phí khấu hao	2.820.669.530	2.376.536.490
Thuê văn phòng	8.031.612.261	5.282.185.433
Chi phí trực tiếp khác	11.700.727.735	8.887.544.043
	<u>67.753.089.552</u>	<u>50.713.731.786</u>

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí khấu hao	6.921.700.519	6.786.060.718
Chi phí nhân viên	18.769.713.705	15.511.380.955
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	125.431.203	136.685.432
Chi phí công cụ, đồ dùng	150.159.495	121.587.208
Dự phòng các khoản nợ khó đòi	1.431.532.537	7.515.849.681
Thuế và các khoản liên quan	15.155.900	46.659.297
Thuê văn phòng	2.093.632.346	1.614.769.436
Chi phí bảo hành phần mềm	2.416.544.687	2.049.938.256
Chi phí đường truyền	1.044.424.576	1.030.536.643
Chi phí quảng cáo	1.557.122.668	970.383.112
Chi phí đi lại	1.318.108.164	800.881.998
Các chi phí khác (*)	3.634.880.452	3.455.452.552
	<u>39.478.406.252</u>	<u>40.040.185.288</u>

(*) Các chi phí khác bào gồm chi phí điện, phí kiểm toán, phí ngân hàng, v.v...

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – CTCK

24 THU NHẬP KHÁC

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu hồi nợ xấu đã xóa sổ	122.000.000	
Doanh thu hoa hồng khác	11.174.738	1.090.862.772
	<u>133.174.738</u>	<u>1.090.862.772</u>
Chi phí khác		
Chi phí bổ sung thuế GTGT đầu ra của quyết toán thuế năm 2008 và 2009	(76.998.215)	-
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	(43.372.181)	(7.727.300)
	<u>(120.370.396)</u>	<u>(7.727.300)</u>
Thu nhập khác – Số thuần	<u>12.804.342</u>	<u>1.083.135.472</u>

25 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 25% như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.829.287.531	23.587.452.845
Thuế tính ở thuế suất 25%	1.707.321.883	5.896.863.212
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	47.664.317	52.209.325
Thu nhập không chịu thuế	-	(246.634.116)
Dự phòng thiếu của năm trước	43.943.819	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.798.930.019</u>	<u>5.702.438.421</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế. Cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế năm 2010 và 2011.

26 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu phí giao dịch chứng khoán và phí xác nhận

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Các công ty thành viên thuộc tập đoàn		
Kim Eng Securities Pte.Ltd-Trust	-	33.218.725
Kim Eng Securities Pte.Ltd.	45.592.446	-
Kim Eng Securities (Thailand) Public	-	12.191.741
Các bên liên quan khác	-	93.806.641
	<u>45.592.446</u>	<u>139.217.107</u>

ii) Chi phí hoa hồng

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí hoa hồng từ Kim Eng Securities Pte. Ltd-Trust	106.331.764	-
	<u>106.331.764</u>	<u>-</u>

iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.653.630.914	1.737.908.682
	<u>3.653.630.914</u>	<u>1.737.908.682</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – CTCK

26 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iv) Giao dịch giữa các bên liên quan

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí được trả hộ bởi Kim Eng Securities Pte. Ltd	64.929.237	-
Chi phí Công ty thanh toán hộ cho Kim Eng Holdings	65.158.898	-
Chi phí Công ty thanh toán hộ cho Kim Eng Holdings	-	131.582.482
Chi phí Kim Eng Research Pte. Ltd thanh toán hộ cho Công ty	120.534.432	-
Chi phí Công ty thanh toán hộ cho Kim Eng Research Pte. Ltd	-	2.690.649
Chi phí Công ty thanh toán hộ cho Kim Eng Mỹ	13.099.939	-
Chi phí Công ty thanh toán hộ cho Kim Eng Thái Lan	8.954.423	-
Chi phí Công ty thanh toán hộ cho Kim Eng Securities Pte. Ltd	-	2.981.328
	<u> </u>	<u> </u>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí vốn vay và lãi vay phải trả cho Kim Eng Holdings Singapore	62.591.771.449	-
Phải trả cho Kim Eng Securities Singapore	82.002.053	10.395.432
	<u> </u>	<u> </u>

27 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Thuê văn phòng	
	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Dưới 1 năm	2.313.287.347	954.172.800
Từ 1 đến 5 năm	-	3.105.636.401
	<u> </u>	<u> </u>
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>2.313.287.347</u>	<u>4.059.809.201</u>

28 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh trên báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với trình bày của năm hiện hành.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 9 tháng 2 năm 2012.



Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc